

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG ANH STONE

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG ANH STONE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG ANH STONE CONSTRUCTION INVESTMENT AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107358380

**3. Ngày thành lập:** 17/03/2016

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 66 ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904622622

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                           | 2395        |
| 2.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2396        |
| 3.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2410        |
| 4.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2431        |
| 5.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2511        |
| 6.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0810        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết :<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim | 4663(Chính) |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>Xây dựng công trình cửa<br>Xây dựng đường hầm<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                               | 4290 |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311 |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng                                                                                                  | 4329 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330 |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết :<br>Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng<br>- Các công việc dưới bề mặt ;<br>- Xây dựng bề bơi ngoài trời ;                                                                                                                                 | 4390 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |
| 22. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) | 7730                                                                |
| 24. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật)                                                                                         | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: ĐÀO ĐỨC ANH

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 20/12/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012285562

Ngày cấp: 02/07/2007

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 66, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: ĐÀO ĐỨC ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/12/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012285562

Ngày cấp: 02/07/2007

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 66, ngõ Thổ Quan, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội